

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 163/2024/DS-ST

Ngày: 02 – 10 – 2024

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Thị Nguyễn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Thạch**;

Ông **Bùi Dân An**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Thái Công Danh** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoà Thành.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoà Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH mua bán nợ G; địa chỉ: Đường C, phường X, quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huyền Tr; chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Thành Tr1, chức vụ: Phó giám đốc (Theo văn bản uỷ quyền số 01/2023/GUQ-GLXDT ngày 25/10/2023 của Giám đốc Công ty TNHH mua bán nợ G).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng: Công ty Cổ phần mua bán nợ J; địa chỉ: Tầng 15, Toà nhà C, số 219 phố T, phường H, Quận C, Thành phố H.

Người được uỷ quyền lại: Anh Trương Đức V – chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: phường X, Quận Y, Thành phố H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Lê Hoàng N**, sinh năm 1993; địa chỉ: số nhà B6/6, Khu phố L, phường B, thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị Phương Nh**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 112, hẻm 14, đường T, tổ 17, khu phố H, phường N, thành phố Tây Ninh. (Vắng mặt).

Chị **Đỗ Thị Thuý A**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 16, đường T, khu phố N, phường T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 31-5-2021 anh Lê Hoàng N với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng có ký 01 hợp đồng tín dụng theo đó anh N vay số tiền 408.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 84 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu TOYOTA; loại Vios E, số khung RL4B28F31M5112402, số máy 2NRX690721, biển số 70A-312.30, sản xuất mới 100%. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 6,8%/năm, quá trình cho vay lãi suất trong hạn sẽ được cố định 12 tháng kể từ ngày 01/6/2021, hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm. Quá trình thực hiện hợp đồng anh N trả được cho Ngân hàng 72.876.828 đồng tiền gốc và 37.508.125 đồng tiền lãi. Sau đó anh N không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

Ngày 30-6-2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty TNHH mua bán nợ G (sau đây viết tắt là Công ty G) ký hợp đồng mua bán nợ trên cơ sở hợp đồng mua bán nợ này và phụ lục hợp đồng ký vào tháng 01-2024 thì Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng bán khoản nợ của anh Lê Hoàng N cho Công ty G để Công ty G được toàn quyền xử lý. Như vậy đến thời điểm mua bán nợ tháng thì số tiền gốc mà anh N còn phải trả là 335.123.172 đồng, nợ lãi tính đến ngày 02/10/2024 là 137.137.918 đồng, tổng cộng là 472.261.090 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết cho đến khi anh N trả hết nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên anh N và Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng có ký 01 Hợp đồng thế chấp xe ô tô hiệu TOYOTA, số loại VE, số khung RL4B28F331M511240, số máy 2NRX690721 mang biển số 70A-312.30 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004252 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Tây Ninh cấp do anh Lê Hoàng N đứng tên. Trong hợp đồng mua bán nợ giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với Công ty G

có kèm theo hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên. Do đó nếu trường hợp anh N không trả được nợ cho Công ty G thì yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Ngày 12-7-2024 Công ty G và Công ty Cổ phần MBN J (sau đây viết tắt là Công ty J) ký hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/G-JUPITEMN, trên cơ sở hợp đồng mua bán nợ này hai bên ký phụ lục hợp đồng số 25/PL02/HĐ09/HĐMBN/G-J thì Công ty G bán khoản nợ của anh Lê Hoàng N cho Công ty J để Công ty J được toàn quyền xử lý.

Nay anh V đại diện cho Công ty J yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án và đưa Công ty J vào tham gia tố tụng với tư cách kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Công ty G. Công ty J yêu cầu anh Lê Hoàng N trả số tiền nợ gốc là 335.123.172 đồng, nợ lãi tính đến ngày 02/10/2024 là 137.137.918 đồng, tổng cộng là 472.261.090 đồng.

Trường hợp anh N không trả được nợ cho Công ty J thì Công ty yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán khoản nợ theo đúng như yêu cầu khởi kiện của Công ty G trước đây.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Lê Hoàng N trình bày: Ngày 31/5/2021 anh N có ký hợp đồng tín dụng vay số tiền 408.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, theo hợp đồng cho vay số LN2105213774498 và hợp đồng thế chấp số LN2105213774498, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, Vios, động cơ 1.5,CVT, số khung RL4B28FM5112402, số máy 2NRX690721, biển số 70A – 312.30. Sau khi vay anh N trả tiền cho Ngân hàng đầy đủ, do làm ăn khó khăn nên từ năm 2022 đến nay anh N không có tiền trả nợ cho Ngân hàng nên còn nợ Ngân hàng số tiền gốc khoảng 300.000.000 đồng. Số tiền còn nợ Ngân hàng mà Ngân hàng đã bán qua cho Công ty G là nợ chung của anh N và chị Nh trong thời kỳ hôn nhân, anh N vay tiền của Ngân hàng để mua xe, khi anh N và chị Nh ly hôn anh N đã giao xe cho chị Nh sử dụng nên chị Nh có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nhưng chị Nh chỉ trả được 6 tháng thì hết khả năng nên mới đem xe gán nợ cho chị Đỗ Thị Thuý A. Do đó số tiền nợ mà Công ty G khởi kiện thì anh N và chị Nh cùng có nghĩa vụ trả cho Công ty.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ngân hàng hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh vượng trình bày: Ngân hàng thống nhất với phần trình bày của đại diện nguyên đơn, đối với khoản nợ của anh Lê Hoàng N thì ngân hàng đã bán toàn bộ cho Công ty G cả nợ gốc, lãi và biện pháp bảo đảm. Nay ngân hàng đã không còn quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gì đến khoản nợ này cũng như không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án này và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Phương Nh, chị Đỗ Thị Thuý A đã được toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình

bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, các Điều 274, 275, 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án. Viện KSND thị xã Hòa Thành đề nghị HĐXX TAND thị xã Hòa Thành: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty J buộc anh N, chị Nh có nghĩa vụ trả cho Công ty J số tiền nợ gốc là 335.123.172 đồng và tiền lãi theo lãi suất trong hợp đồng đã giao kết. Trường hợp anh N, chị Nh không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: đề nghị tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: người đại diện hợp pháp của Công ty J có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty G mà nay Công ty J kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng thì thấy rằng: Ngày 31-5-2021 anh Lê Hoàng N với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có ký 01 hợp đồng tín dụng theo đó anh N vay số tiền 408.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 84 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu TOYOTA, Vios, động cơ 1.5,CVT, số khung RL4B28FM5112402, số máy 2NRX690721, biển số 70A – 312.30, sản xuất mới 100%. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 6,8%/năm, quá trình cho vay lãi suất trong hạn sẽ được cố định 12

tháng kể từ ngày 01/6/2021, hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm. Như vậy việc vay tiền giữa anh N và Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng là có thật. Sau khi vay anh N có trả cho Ngân hàng được số tiền 72.876.828 đồng tiền gốc và 37.508.125 đồng tiền lãi. Sau đó anh N không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Theo hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng với anh N thì anh N phải trả nợ gốc và lãi vào ngày 01 mỗi tháng. Như vậy anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Sau đó ngày 30-6-2023 Ngân hàng bán khoản nợ của anh N cho Công ty G, ngày 12-7-2024, Công ty G bán khoản nợ của anh N cho Công ty J.

[2.2]. Xét các hợp đồng mua bán nợ giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh vượng với Công ty G vào ngày 30-6-2023, phụ lục hợp đồng ký vào tháng 01-2024 và Hợp đồng mua bán nợ ký ngày 12-7-2024 giữa Công ty G và Công ty J thì thấy rằng: Việc mua bán nợ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành mà cụ thể là Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN ngày 17-7-2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân Hàng nước ngoài và Thông tư số: 18/2022/TT-NHNN ngày 26-12-2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN ngày 17-7-2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng Nước ngoài.

Tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN ngày 17-7-2015 quy định: “Bên bán nợ là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có khoản nợ được bán theo quy định tại khoản 2 Điều này”.

Tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số: 18/2022/TT-NHNN ngày 26-12-2022 quy định: “4. Bên mua nợ là tổ chức, cá nhân, bao gồm: a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây là Ngân hàng Nhà nước) chấp thuận hoạt động mua nợ; b) Tổ chức khác, cá nhân (bao gồm cả tổ chức, cá nhân là người cư trú và người không cư trú)”.

Tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số: 18/2022/TT-NHNN ngày 26-12-2022 quy định: “1. Bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ được mua, bán của bên bán nợ kể từ thời điểm bên mua nợ nhận chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ từ bên bán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ”.

Như vậy việc mua bán nợ theo các Hợp đồng mua bán nợ số: 3-30/6/2023/GLX-VPB ngày 30-6-2023 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh vượng và Công ty G và Hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/G-JUPITEMN giữa Công ty G và Công ty J là hợp pháp đúng quy định tại Điều 13 Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 quy định về Hợp đồng mua, bán

nợ. Do đó, Công ty G có quyền khởi kiện và nay là Công ty J có quyền kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng để yêu cầu bị đơn anh Lê Hoàng N thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền vốn vay và lãi còn nợ 589.787.653 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Thời điểm anh N ký hợp đồng với Ngân hàng giữa anh N và chị Nguyễn Thị Phương Nh vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân, chiếc xe ô tô anh N thế chấp để vay Ngân hàng là tài sản chung của anh N và chị Nh, hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng anh N và chị Nh cùng ký. Do đó, Công ty Công ty J khởi kiện yêu cầu anh N, chị Nh có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Công ty J là phù hợp Điều 288 của Bộ luật dân sự, Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần buộc anh Nguyễn Hoàng N, chị Nguyễn Thị Phương Nh có nghĩa vụ trả cho Công ty J số tiền vốn vay và lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN2105213774498 và hợp đồng thế chấp số LN2105213774498 ngày 31-5-2021 với số tiền gốc và lãi tính đến ngày 02 – 10 – 2024 là 472.261.090 đồng.

[2.3]. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn: Ngày 31-5-2021 cùng với việc ký hợp đồng tín dụng thì anh N, chị Nh và Ngân hàng có ký với nhau 1 hợp đồng thế chấp số LN2105213774498. Theo đó anh N, chị Nh thế chấp cho Ngân hàng 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, Vios, động cơ 1.5,CVT, số khung RL4B28FM5112402, số máy 2NRX690721, biển số 70A – 312.30 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Lê Hoàng N đứng tên. Hợp đồng thế chấp tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm. Ngày 10/01/2022 anh N và chị Nh ly hôn nhưng không giải quyết về tài sản chung, nợ chung, theo thoả thuận giữa anh N và chị Nh thì sau khi ly hôn anh N nuôi con, chị Nh sở hữu xe ô tô, đồng thời chị Nh trả tiền theo đúng hợp đồng thế chấp xe đã ký kết với Ngân hàng. Tại bản án số 168/2022/DS-ST ngày 29/12/2022 của Toà án nhân dân Thành phố Tây Ninh chị Đỗ Thị Thuý A xác định chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA do anh N đứng tên chị Nh giao cho chị A để vay tiền. Hiện nay chiếc xe chị A hay người khác quản lý nguyên đơn, bị đơn không biết, quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt văn bản hợp lệ nhưng chị A không hợp tác có mặt để làm việc cũng không trình bày ý kiến của chị A đối với chiếc xe ô tô đang ở đâu. Tuy nhiên, khi giao xe chị Nh có nói và chị A cũng biết chiếc xe ô tô do anh N đứng tên đang thế chấp tại Ngân hàng, chị A biết việc chị Nh giao xe đang thế chấp Ngân hàng cho chị A để vay tiền nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết là giao dịch bất hợp pháp. Căn cứ vào mục 11 phần III Công văn số 196/TANDTC ngày 03-11-2023 của Tòa án nhân dân tối cao thì nếu trường hợp anh N, chị Nh không trả được nợ cho công ty J thì cần phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Công ty J. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Công ty J trong trường hợp anh N, chị Nh không trả được nợ cho Công ty.

[3]. Từ những phân tích nêu trên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, 288 365, 398, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G mà Công ty cổ phần MBN J kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng đối với anh Lê Hoàng N, chị Nguyễn Thị Phương Nh về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc anh Lê Hoàng N, chị Nguyễn Thị Phương Nh có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần MBN J số tiền 472.261.090 đồng (trong đó nợ gốc là 335.123.172 đồng, nợ lãi là 137.137.918 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 03-10-2024 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Trường hợp anh N, chị Nh không trả được nợ cho Công ty cổ phần MBN J thì phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu TOYOTA, Vios, động cơ 1.5,CVT, số khung RL4B28FM5112402, số máy 2NRX690721, biển số 70A – 312.30, Giấy chứng nhận đăng ký xe số 70004252 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28-5-2021 cho anh Lê Hoàng N đứng tên theo hợp đồng thế chấp số LN2105213774498 ngày 31-5-2021 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với anh Lê Hoàng N, chị Nguyễn Thị Phương Nh.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: anh Lê Hoàng N, chị Nguyễn Thị Phương Nh phải chịu 22.890.000 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ G được nhận lại 10.742.000 đồng (Mười triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011228 ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THA DS
thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Thị Nguyệt